

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B1** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH07271** Học kỳ: **02**
Tên MH/MĐ: **Thực tập tốt nghiệp**
Số TC: **7**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201161340	Trần Thanh	Danh	29/11/2005				9	8.0	8.0			8.0		8.1
2	2256201161343	Chau Sóc	Ron	05/01/2004				9	8.5	8.5			8.5		8.5
3	2256201161345	Trần Nhựt	Trường	12/07/2004				9	7.0	7.0			7.0		7.2
4	2256201161391	Nguyễn Thái	Dương	28/04/2004				8	8.0	8.0			8.0		8.0
5	2256201161393	Đặng Thành	Hiếu	20/08/2007				9	8.3	8.3			8.3		8.4
6	2256201161394	Huỳnh Trung	Huy	26/05/2007				8.5	9.5	8.5			9.0		9.0
7	2256201161395	Nguyễn Văn	Huy	11/03/2007				6	8.0	7.8			7.3		7.4
8	2256201161396	Đoàn Chấn	Khang	20/07/2007				8	9.5	8.5			9.0		8.9
9	2256201161397	Nguyễn Thanh	Ngọc	02/03/2000				8	7.5	7.0			7.0		7.2
10	2256201161398	Trần Thị Yến	Ngọc	11/05/2007				6	8.0	7.8			7.9		7.7
11	2256201161400	Võ Thanh	Phong	12/03/1999				9	8.0	8.0			8.0		8.1
12	2256201161401	Chau	Rích	29/12/2004				7	8.5	8.5			8.5		8.4
13	2256201161403	Trần Minh	Tính	20/07/2005				7	8.3	8.3			8.3		8.2
14	2256201161404	Nguyễn Phước	Toàn	19/10/2003				9	7.0	7.0			7.0		7.2
15	2256201161405	Hồ Minh	Triết	01/07/2007				6	8.0	7.8			7.9		7.7
16	2256201161406	Phạm Luân Bền	Vững	11/05/2006				8	9.5	8.5			9.0		8.9

Châu Đốc, ngày 1 tháng 7 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thanh Tùng